TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 20 – 3 – 2019
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ , TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Đinh Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 545/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hoàng L, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ X, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1978
Địa chỉ: Tổ X, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Ngô Thị Hoàng L trình bày:

Bà Ngô Thị Hoàng L và ông Nguyễn Minh G sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1999.

Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất

đồng quan điểm; ông G bị nghiện, sử dụng ma túy; bà L đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thành. Đến năm 2007, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, bà L và ông G quyết định sống ly thân. Kể từ đây, mỗi người sống mỗi nơi, không ai còn quan tâm tới nhau nữa.

Vào năm 2015, bà L được tin ông G bán ma túy và bị bắt, kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Hiện đang phải chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc.

Nay bà L nhận thấy: khả năng hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng là không thể đạt được, cuộc sống chung giữa hai người không thể kéo dài hơn, tình cảm vợ chồng đã hết; do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh G.

Về con chung: Có 02 con chung, tên là Nguyễn Ngô Ngọc L, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Ngô Ngọc L1, sinh ngày 18/01/2002; bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L1, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên không có yêu cầu về nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 01 năm 2019, bị đơn – ông Nguyễn Minh G trình bày:

Ông Nguyễn Minh G và bà Ngô Thị Hoàng L là vợ chồng; kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào tháng 5 năm 1999.

Vợ chồng sống hạnh phúc được mấy năm đầu, từ năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do ông G sử dụng ma túy, và vợ chồng cũng đã ly thân từ đây, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Năm 2015, do bán ma túy nên ông G đã bị Tòa án xét xử 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Nay, qua yêu cầu của bà Ngô Thị Hoàng L thì ông G đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, tên là Nguyễn Ngô Ngọc L, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Ngô Ngọc L1, sinh ngày 18/01/2002. Ông G đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi cháu L1; riêng cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên không có yêu cầu về nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hoàng L vì cuộc hôn nhân vợ chồng giữa bà L và ông G không G được, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nay ông G đồng ý ly hôn; theo đó, bà L được ly hôn với ông Nguyễn Minh G và giao cháu Nguyễn Ngô Ngọc L1 cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Hoàng L thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông Nguyễn Minh G có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn - ông Nguyễn Minh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Hoàng L và ông Nguyễn Minh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1999 nên xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L cương quyết ly hôn, vì cho rằng: Từ năm 2007, bà L và ông G đã sống ly thân, kể từ đó mỗi người ở mỗi nơi, nên không còn tình cảm vợ chồng với ông G nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 thì ông G đồng ý ly hôn vì xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông G và bà L là không đạt được. Bà L và ông G cũng đã có thời gian ly thân từ năm 2007 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông G không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông G là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà L, ông G có 02 con chung, tên là Nguyễn Ngô Ngọc L, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Ngô Ngọc L1, sinh ngày 18/01/2002; cháu L1có nguyện vọng được ở với mẹ và bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L1, ông G đồng ý giao cháu L1 cho bà L nuôi dưỡng. Do đó, nay giao cháu L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Đối với cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, không ai có yêu cầu nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Hoàng L phải nộp: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hoàng L về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con";

2.1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Hoàng L được ly hôn với ông Nguyễn Minh G;

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ngô Ngọc L, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Ngô Ngọc L1, sinh ngày 18/01/2002; nay giao cháu L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, nên không xem xét. Ông G được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Hoàng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006736 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; bà L đã nộp xong.

4. Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKS nhân dân thị xã Phú Mỹ ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

Cao Xuân Long